

Số : 1605-1 /TH-QLT&VHBD

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 05 năm 2025

V/v: Cung cấp vật tư Hottaping đợt 1

Kính gửi: **Quý Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hóa) hiện đang có nhu cầu mua vật tư hottaping để phục vụ các Dự án của Công ty.

Qua tìm hiểu PTSC Thanh Hóa được biết Quý Công ty có chức năng cung cấp hàng hóa nêu trên. Bằng công văn này, Công ty PTSC Thanh Hóa xin mời Quý Công ty tham gia chào giá cung cấp hàng hóa nói trên với các điều khoản về thương mại như sau:

1. Điều kiện thanh toán:

Trên cơ sở đàm phán hợp đồng giữa các Bên.

2. Đơn giá chào hàng:

- Theo nhu cầu, PTSC Thanh Hóa đề nghị Quý công ty báo giá hàng hóa theo yêu cầu chào giá như Phụ lục 01 đính kèm

3. Thời gian và địa điểm cung cấp hàng hóa

- Thời gian cung cấp dự kiến: Trong vòng 15-20 ngày sau khi ký hợp đồng
- Địa điểm giao hàng: Kho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa – Thôn Nam Sơn, xã Nghi Sơn, tx. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Người liên hệ giao: Vũ Đình Thạch (Mr.) – SĐT: 0914312423

4. Thời gian và hình thức nhận thư chào giá:

- Thời gian: Bảo đảm PTSC Thanh Hóa nhận được thư chào giá chậm nhất 10 giờ ngày 23/05/2025.
- Hình thức nhận chào giá: Bằng phong bì kín (Nộp trực tiếp/ chuyển phát nhanh)
- Địa chỉ: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa – 268, Trần Nhật Duật, Phường Trúc Lâm, tx. Nghi Sơn, Thanh Hóa
- Người liên hệ:

✓ Lê Thị Hương Thanh (Ms.) - SĐT: 0977.104.527, email: thanhlt@ptsc.com.vn

✓ Thiệu Việt Đức (Mr.) – SĐT: 0865312236, email: ductv@ptsc.com.vn

5. Điều kiện xem xét trúng thầu:

- Báo giá được tiếp nhận chậm nhất 10 giờ ngày 23/05/2025.
- Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.
- Hiệu lực báo giá tối thiểu 30 ngày kể từ ngày báo giá
- Đáp ứng thời gian thực hiện dịch vụ

Phụ lục 01: BẢNG KÊ VẬT TƯ CHÀO GIÁ

Seq	Material	Size	Unit-1	Q'ty	Unit Price	Amount	Remark
1	Pipe ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M BE SCH20-8"	8	m	6			
2	Pipe ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M BE SCH40-8"	8	m	6			
3	Pipe ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M BE SCH40-24"/ Pipe ASTM A672 Grade B60 Class 22 EFW ASME B36.10M/B36.19M BE STD 24"	24	m	5.3			
4	Pipe ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M BE STD-3"	3	m	6			
5	Flange WN ASTM A105 Class 300 ASME B16.5 RF STD-3"	3	pcs	1			
6	Straight nipple ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M PE -NPT SCH160-1/2"	0.5	pcs	3			
7	Outlet ASTM A105 Class 3000 MSS SP-97 SW-24"x 1/2"		pcs	1			
8	Pressure Gauge - Up to 50 bar with operation temperature 300 °C-		pcs	1			Manufacture: Wise Korea Model: P252 100A 0-60bar 1/2"NPT 316SS 1%
9	Temperature Gauge - Insert type (Up to 500 °C)-		pcs	1			Manufacture: Wise Korea Model: T120 100W 0-600 degree L150mm

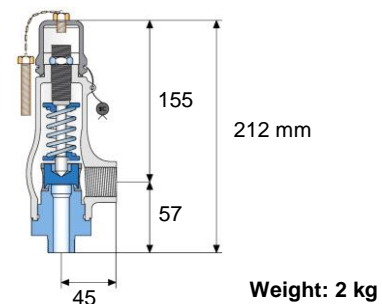
10	PSV- Insert type Up to 30 bar with operation temperature 300 °C-		pcs	1			Attached datasheet
11	ASTM A216 Gr.WCB Class 300 API 600 Flange ASME B16.5 RF Trim number 5 BB-BGOS&Y Gear operated-10" x 300#	10"	pcs	2.00			
12	Blind flange ASTM A105 Class 300 ASME B16.5 RF-10"x 300#	10	pcs	2			
13	ASTM A216 Gr.WCB Class 300 API 600 Flange ASME B16.5 RF Trim number 5 BB-BGOS&Y Handwheel operated-8"x300#	8	pcs	1			
14	Blind flange ASTM A105 Class 300 ASME B16.5 RF-8"x300#	8	pcs	1			
15	Flange WN ASTM A105 Class 300 ASME B16.5 RF SCH20-8"x300#	8	pcs	1			
16	Flange WN ASTM A105 Class 300 ASME B16.5 RF XS-2"X300#	2	pcs	2			
17	Straight tee ASTM A234 Grade WPB Seamless ASME B16.9 BW XS-2"x 2"	2	pcs	1			
18	Blind flange ASTM A105 Class 300 ASME B16.5 RF -2"X300#	2	pcs	1			
19	Concentric swaged nipple ASTM A234 Grade WPB Seamless MSS SP-95 BE(L) - PE(S) XS-XS-2" X 3/4"	2" X 3/4"	pcs	1			
20	Pipe ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M BE XS-2	2	m	6			
21	90 degree elbow ASTM A105 Class 3000 ASME B16.11 SW -3/4"	0.75	pcs	10			
22	Gate valve ASTM A105 Class 800 API 602 SW Trim number 5 BB-BG-OS&Y Handwheel operated-3/4"	0.75	pcs	6			
23	Straight tee ASTM A105 Class 3000 ASME B16.11 SW -3/4"	0.75	pcs	1			

24	Pipe ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M PE XS-3/4"	0.75	m	54			
25	Straight nipple ASTM A106 Grade B Seamless ASME B36.10M/B36.19M PE - NPT L=100mm SCH160-3/4"	0.75	pcs	2			
26	Flange SW ASTM A105 Class 300 ASME B16.5 RF XS-3/4"	0.75	pcs	1			
27	Cap ASTM A105 Class 3000 ASME B16.11 NPT -3/4"	0.75	pcs	2			
28	90 degree elbow ASTM A105 Class 6000 ASME B16.11 SW -3/4"	0.75	pcs	7			
29	Blind flange ASTM A105 Class 150 ASME B16.5 RF-10"x150#	10	pcs	2			
30	ASTM A216 Gr.WCB Class 150 API 600 Flange ASME B16.5 RF Trim number 5 BB-BGOS&Y Handwheel operated-10"x150#	10	pcs	2			
31	Blind flange ASTM A105 Class 150 ASME B16.5 RF-10"x150#	10	pcs	2			
32	Flange WN ASTM A105 Class 150 ASME B16.5 RF SCH30-10"x150#	10	pcs	2			
33	Blind flange ASTM A105 Class 150 ASME B16.5 RF-3"x150#	3	pcs	1			
34	Flange WN ASTM A105 Class 150 ASME B16.5 RF XS-2"x150#	2	pcs	1			
35	ASTM A216 Gr.WCB Class 150 API 600 Flange ASME B16.5 RF Trim number 8 BB-BGOS&Y Handwheel operated-2"x150#	2	pcs	1			
36	Blind flange ASTM A105 Class 150 ASME B16.5 RF-2"x150#	2	pcs	1			

2538

GENERAL	1	ITEM	1
	2	Valve Tag Number	
	3	Number of units	1
	4	Valve Type: Conventional / Balanced	SAFETY AND RELIEF VALVE; Conventional
	5	Design type	Direct spring loaded; Full lift safety valve
	6	Manufacturer	EFS TOSACA, SPAIN
TYPE	7	Model / Type number	1216
	8	Material Base	A351 CF3M
	9	Size	1/2" x 1" PN-40
	10	End connections	ANSI B2.1 NPT-M / NPT-F
	11	Orifice	13 / 133,0 mm2
	12	Bonnet: Closed / Open / vented	Closed
ACCESS	13	Lifting lever: Gastight / Plain / Packed	Lifting device Cap: Screwed
	14	Test gag	No
	15	Bellows	No
	16	Others	No
MATERIAL	17	Body and Bonnet Bolts/ Nuts	A351 CF3M NA/ NA
	18	Nozzle	A351 CF3M
	19	Disc	SS AISI316L / Seat: Metal
	20	Guide	A351 CF3M
	21	Spring	Inconel X750
	22	Bellows	-
BASIS OF SELECTION	23	Design Code	EN ISO 4126
	24	Sizing basis	Blocked discharge
	25	Process fluid / State	Steam / V
	26	Required capacity	No information
	27	Density	13,51 kg/m3 at 345 °C
	28	Operating Viscosity	cP
	29	Molecular weight, M	18 g/mol Cp / Cv: 1,13 C: 2,51
	30	Set pressure (tolerance set pressure: ± 3%)	25,5 barg / 369,8 psig Temperature operation: 345° C / 653° F
	31	Work pressure	barg / psig
	32	Superimposed back pressure	0 barg / 0,0 psig
	33	Built-up back pressure	1,013 bar / 14,7 psi
	34	Total max. back pressure	1,013 bar a / 14,7 psi
	35	% Allowable overpressure	10 %
	36	Blow down	10%
	37	Kdr Coefficient of discharge	0,550
38	Kb Correction factor back pressure	1	
39	Z Compresibility factor	1	
40	Kr Viscosity correction	1	
41	Ksh Superheat correction factor	0,88	
CALCUL	42	Calculate area <i>CRITICAL FLOW</i>	NO information required capacity
	43	Selected area	Diameter: 13 mm / 133,0 mm2
	44	Flow capacity @ Selected area	982,6 kg/h
	45	Calculated sound level 30 m according API 521	101 dB Noise at 1 meter 130 dB
	46	Reaction force	112 Newton
OTHERS	47	Face to face dimension (H / V)	45 mm / 57 mm Total Height: 212 mm
	48	Packing dimension / Weight	26 cm x 13 cm x 16 cm / Total weight with packing: 2,2 kg
	49	Painting and protective coating / Color	No coating on stainless steel
	50	Marking	Stainless steel label, including TAG Number
	51	Material test certificate	EN 10204 3.1
	52	Inspection	Pressure equipment directive 2014/68/EU

Tosaca reference: 44415 08/04/2025 Revision: 1
 Valve code: 1216-0,5x1NSS-40-M-01001-25,5V345
 Offer reference No. OV250364



- Có giá chào thấp nhất

Xin chân thành cảm ơn!